

Phụ lục
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUÂN SỰ HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026
(NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC; MÃ NGÀNH: 7310202)
(Kèm theo Thông báo số: /TB-HDTS ngày /8/2026 của Trường Sĩ quan Chính trị)

I. TUYỂN THĂNG HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi thường trú	Năm tốt nghiệp THPT	Thông tin về giải thưởng			Ghi chú
						Năm đạt giải	Môn/Lĩnh vực đạt giải	Loại giải	
A	MIỀN BẮC: 14 THÍ SINH								
1	Trịnh Huy Hoàng	Nam	20/10/2008	Ninh Bình	2026	2026	Lịch sử	Nhì	
2	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	01/01/2008	Ninh Bình	2026	2025	Lịch sử	Nhì	
3	Nguyễn Duy Hùng	Nam	17/01/2008	Phú Thọ	2026	2026	Lịch sử	Nhì	
4	Lê Hồng Phúc	Nam	12/8/2008	Hải Phòng	2026	2025	Lịch sử	Ba	
5	Lê Quốc Bảo	Nam	29/7/2008	Hải Phòng	2026	2026	Lịch sử	Ba	
6	Trương Công Vinh	Nam	20/11/2008	Ninh Bình	2026	2026	Lịch sử	Ba	
7	Phạm Việt Anh	Nam	23/8/2008	Ninh Bình	2026	2025	Lịch sử	Ba	
8	Nguyễn Hà Việt Dũng	Nam	10/11/2008	Hải Phòng	2026	2026	Địa lí	Ba	
9	Phùng Gia Huy	Nam	03/9/2008	Cao Bằng	2026	2026	Địa lí	Ba	
10	Nông Tiến Dũng	Nam	23/10/2008	Cao Bằng	2026	2026	Địa lí	Ba	
11	Vũ Văn Việt	Nam	10/9/2008	Thái Nguyên	2026	2026	Địa lí	Nhì	
12	Cao Đức Lâm	Nam	24/11/2008	Thái Nguyên	2026	2026	Địa lí	Ba	
13	Nguyễn Đức Hùng	Nam	20/12/2008	Lào Cai	2026	2025	Địa lí	Ba	
14	Phùng Minh Anh	Nam	25/12/2008	Phú Thọ	2026	2026	Địa lí	Ba	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi thường trú	Năm tốt nghiệp THPT	Thông tin về giải thưởng			Ghi chú
						Năm đạt giải	Môn/Lĩnh vực đạt giải	Loại giải	
B	MIỀN NAM: 05 THÍ SINH								
1	Mã Quốc Đại	Nam	05/9/2008	An Giang	2026	2026	Lịch sử	Nhì	
2	Lê Tuấn Anh	Nam	07/10/2008	Quảng Ngãi	2026	2026	Lịch sử	Nhì	
3	Trương Hữu Khánh	Nam	15/8/2008	Khánh Hòa	2026	2026	Địa lí	Nhất	
4	Lê Tấn Phát	Nam	24/5/2008	Tp Huế	2026	2025	Địa lí	Ba	
5	Nguyễn Gia Bảo	Nam	01/01/2008	Quảng Ngãi	2026	2025	Địa lí	Ba	

II. ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi thường trú	Năm tốt nghiệp	Thông tin về giải thưởng			Tổng điểm thi THPT	Ghi chú
						Năm đạt giải	Môn/Lĩnh vực đạt giải	Loại giải		
A	MIỀN BẮC: 01 THÍ SINH									
1	Nguyễn Ngọc Bình	Nam	25/3/2008	Thái Nguyên	2026	2025	Địa lý	Khuyến khích	26,64	
B	MIỀN NAM: 01 THÍ SINH									
1	Quách Quốc Hưng	Nam	31/8/2008	Cà Mau	2026	2026	Địa lý	Khuyến khích	25,68	

III. XÉT TUYỂN TỪ KẾT QUẢ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, QUY ĐỔI ĐIỂM NGOẠI NGỮ

1. Miền Bắc: 413 thí sinh

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
1	Trần Tuấn Hưng	22014897	18/08/2008	QDA	30.00	22	22	07132	LAH	
2	Nguyễn Minh Quang	24021040	25/11/2008	QDA	28.99	24	24	07525	HEH	
3	Đặng Thanh Tuyền	37002843	09/10/2008	C03	28.55	37	37	14329	LCH	
4	Bùi Việt Hoàng	31035599	01/02/2008	C03	28.55	31	31	10549	LCH	
5	Trần Ngọc Quyết	40003953	05/05/2008	C04	28.31	40	40	16681	LCH	
6	Lự Tuấn Tú	15009880	23/02/2008	C03	28.26	15	15	03082	BPH	
7	Ngô Việt Anh	15004037	15/06/2008	C03	28.07	15	15	02647	LCH	
8	Phạm Trung Kiên	38014018	22/03/2008	C03	27.94	38	38	15061	LCH	
9	Hà Quang Thắng	25027533	26/08/2008	C03	27.90	25	25	08824	LCH	
10	Nguyễn Văn Duy	37013828	15/09/2008	C03	27.90	37	37	13504	LCH	
11	Lê Khánh Duy	25023495	06/12/2008	QDA	27.85	25	25	09100	LCH	
12	Nguyễn Nhật Minh	37025283	06/10/2008	QDA	27.84	37	37	13684	LCH	
13	Trương Tuấn Anh	25030075	25/08/2008	QDA	27.84	25	25	08914	LCH	
14	Phản Tiến Dũng	12001959	15/10/2008	C03	27.78	12	12	03562	LCH	
15	Trần Ngọc Khánh Duy	01128235	06/06/2008	C04	27.75	01	01	00592	LCH	
16	Hoàng Bảo Phúc	19010464	22/07/2008	C03	27.63	19	19	05443	LCH	
17	Lê Phú Thịnh	38015354	09/04/2008	QDA	27.61	38	38	15187	LCH	
18	Trần Trọng Hiếu	15005785	02/08/2008	QDA	27.59	15	15	02647	LCH	
19	Đinh Hữu Hùng	37017463	02/02/2008	C03	27.58	37	37	13435	LCH	
20	Nguyễn Văn Hùng	31008785	09/01/2008	C03	27.53	31	31	11473	LAH	
21	Vĩ Anh Duy	20007563	01/11/2008	C03	27.47	20	20	06463	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
22	Nguyễn Việt Thái	25011122	11/12/2008	C03	27.43	25	25	08134	LCH	
23	Vũ Hồng Thái	25004367	13/12/2008	C03	27.43	25	25	08773	LCH	
24	Nguyễn Hoàng Minh	25000471	18/01/2008	C03	27.34	25	25	07909	LCH	
25	Trần Trung Sơn	42006492	08/08/2008	C03	27.34	42	42	18073	LCH	
26	Nguyễn Tuấn Dũng	22008846	28/01/2008	C03	27.34	22	22	06688	LCH	
27	Lê Huy Phước	25002513	13/03/2008	C03	27.31	25	25	04894	LCH	
28	Phan Nhất Anh	12003233	09/12/2007	C03	27.31	12	12	03618	BPH	
29	Luân Cầm Việt Hoàng	19004975	17/09/2007	C03	27.31	19	19	02104	LCH	
30	Hà Anh Tuấn	24006248	02/10/2007	C03	27.30	24	24	07420	LCH	
31	Nguyễn Duy Hải Triều	01011314	15/10/2008	C03	27.25	01	01	00292	LCH	
32	Phùng Minh Tiến	38028054	13/10/2008	C03	27.20	38	38	16378	LCH	
33	Nguyễn Sỹ Việt Trung	24042545	25/02/2008	C04	27.20	24	24	09454	LCH	
34	Lại Việt Sơn	37034189	19/12/2008	C04	27.20	37	37	13984	LCH	
35	Vũ Minh Quang	25017410	01/01/2008	C01	27.20	25	25	09154	LCH	
36	Lương Quốc Lập	42016493	16/03/2008	C03	27.17	42	42	18202	LCH	
37	Lò Duy Hiếu	12003588	27/11/2008	C03	27.15	12	12	03637	LCH	
38	Vì Xuân Hân	12003585	22/07/2008	C03	27.15	12	12	03640	LCH	
39	Thào A Thông	15018453	15/12/2007	C03	27.15	15	15	04492	LCH	
40	Lương Quốc Dũng	37000817	07/11/2008	C03	27.10	37	37	14329	LCH	
41	Nguyễn Quang Dũng	15010344	28/05/2008	C03	27.10	15	15	04252	LCH	
42	Nguyễn Minh Quang	01058238	20/01/2008	C03	27.10	01	01	00454	LCH	
43	Thịnh Ngọc Hoàng Minh	37004020	22/08/2008	C03	27.10	37	37	14365	LCH	
44	Hoàng Mạnh Duy	22008853	13/02/2008	C03	27.08	22	22	06856	BPH	
45	Nguyễn Minh Bảo Anh	01046786	26/07/2008	D01	27.00	01	01	00619	LCH	
46	Nguyễn Hoàng Long	25006606	01/11/2007	C04	26.99	25	25	04960	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
47	Đinh Hoàng Long	25007171	15/08/2007	C03	26.99	25	25	08614	LCH	
48	Phạm Cao Nguyên	38014695	06/03/2008	C03	26.99	38	38	15124	LCH	
49	Lục Cao Việt Bách	08009155	02/01/2007	C03	26.99	08	08	02287	LCH	
50	Lò Văn Thuận	11001055	19/03/2008	C03	26.99	11	11	03368	LCH	
51	Bùi Thành Tâm	25031227	25/06/2008	C03	26.99	25	25	04795	LCH	
52	Vũ Minh Thái	25035745	28/12/2007	C04	26.97	25	25	08950	LCH	
53	Đỗ Kim Sơn	25013084	23/10/2007	C01	26.97	25	25	08467	LAH	
54	Trần Minh Hoàng	15013770	01/01/2008	QDA	26.97	15	15	04342	LCH	
55	Bùi Văn Sơn	31053237	29/11/2008	QDA	26.92	31	31	10813	LCH	
56	Nguyễn Văn Sơn	37004135	30/09/2008	C04	26.86	37	37	14362	LCH	
57	Vũ Gia Phú	15010180	24/12/2008	C03	26.86	15	15	04252	LCH	
58	Hoàng Văn Quỳnh	01099829	08/03/2008	C03	26.86	01	01	09787	LCH	
59	Nguyễn Ánh Nhật	01096765	03/12/2008	C03	26.86	01	01	10081	LCH	
60	Nguyễn Thành Long	19006239	12/11/2008	C03	26.86	19	19	05641	LCH	
61	Đàm Quang Huy	37000973	25/05/2008	C04	26.86	37	37	14329	LCH	
62	Nguyễn Thành An	25000741	07/08/2008	C03	26.85	25	25	04828	LCH	
63	Vũ Việt Anh	08002097	30/08/2008	D01	26.85	08	08	00913	LCH	
64	Hoàng Phúc Hiền	08009281	24/12/2008	C03	26.83	08	08	02287	LCH	
65	Lê Tất Khang	25036635	10/06/2008	C03	26.83	25	25	08584	LCH	
66	Nông Huy Hoàng	24013867	17/01/2008	C04	26.83	24	24	07246	LCH	
67	Lương Minh Đức	20000903	01/10/2008	QDA	26.78	20	20	05983	LAH	
68	Trần Mạnh Toại		10/02/2005	QDA	26.77	42	42	18118	TTH	
69	Tạ Quang Nhật Nam	38001430	09/03/2007	C03	26.73	38	38	15853	LCH	
70	Bùi Minh Đức	37037423	30/10/2008	C03	26.73	37	37	14038	LCH	
71	Đào Tiến Phong	24035497	06/09/2008	C01	26.73	24	24	09340	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
72	Ngô Sỹ Hoàng Linh	38035810	21/06/2008	C03	26.73	38	38	16438	LCH	
73	Nguyễn Minh Quỳ	24042368	14/10/2008	C04	26.73	24	24	09487	LCH	
74	Nguyễn Hải Triều	04004979	20/12/2008	C03	26.68	04	04	01786	LCH	
75	Hà Tiến Đạt	19015779	12/06/2007	C03	26.68	19	19	01936	LCH	
76	Bùi Minh An	25002168	30/11/2008	C03	26.68	25	25	05089	LCH	
77	Giàng A Trung	15017012	02/06/2008	C03	26.68	15	15	04474	LCH	
78	Tráng Văn Nguyên	15006830	08/10/2007	C03	26.68	15	15	02761	LCH	
79	Đặng Nhất Hùng	08002206	20/05/2008	C01	26.68	08	08	00976	LCH	
80	Hoàng Quốc Huy	25042404	01/03/2008	C03	26.68	25	25	08323	LCH	
81	Hoàng Kim Ngọc	15010161	18/04/2008	C03	26.67	15	15	04273	LCH	
82	Nguyễn Đình Khoa	40015576	08/10/2008	C03	26.66	40	40	17254	LAH	
83	Phan Tuấn Thành	11006886	07/01/2008	C03	26.63	11	11	03172	LCH	
84	Nguyễn Công Minh	01057198	30/04/2007	C03	26.62	01	01	00475	LCH	
85	Nguyễn Trung Kiên	31002354	10/09/2008	C03	26.62	31	31	11581	LCH	
86	Đặng Gia Khánh	25001681	12/08/2008	C03	26.62	25	25	08842	LCH	
87	Nguyễn Minh Phú	25007263	05/09/2003	C03	26.52	25	25	08656	LCH	
88	Tổng Minh Huy	19021028	21/10/2008	C03	26.52	19	19	05707	LCH	
89	Lưu Viết Ngọt	19008415	29/12/2007	C03	26.52	19	19	05581	LCH	
90	Quang Tiến Đạt	40009735	19/01/2007	C03	26.52	40	40	16774	LCH	
91	Đinh Quang Trung	25029987	28/05/2008	C03	26.52	25	25	08911	LCH	
92	Bùi Anh Tuấn	25003200	10/06/2007	C03	26.52	25	25	05086	LCH	
93	Đỗ Thanh Lâm	25004241	01/11/2008	C03	26.50	25	25	08782	LCH	
94	Lê Sỹ Lộc	38027816	22/12/2008	C03	26.50	38	38	16378	LCH	
95	Hoàng Ngọc Đại	42004232	24/11/2007	C03	26.50	42	42	18676	LCH	
96	Nguyễn Phi Bảo	40032027	30/06/2008	C03	26.50	40	40	17791	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
97	Đào Nguyên Lâm	15011639	24/10/2008	C03	26.46	15	15	04564	LCH	
98	Phạm Quang Huy	20006963	22/04/2007	C03	26.40	20	20	06364	LCH	
99	Trần Minh Hoàng	20000992	23/03/2008	C03	26.40	20	20	05977	LCH	
100	Nguyễn Hoàng Bình	40005737	20/08/2007	C03	26.38	40	40	16681	LCH	
101	Phạm Đình Hùng	01064951	10/10/2008	C03	26.38	15	15	04564	LCH	
102	Hoàng Đức Hải	25001600	30/09/2008	C03	26.38	25	25	08716	LCH	
103	Nguyễn Thành Lộc	24025343	19/08/2008	C03	26.38	24	24	09187	LCH	
104	Nguyễn Thế Đạt	24035915	02/10/2008	C03	26.38	24	24	09265	LCH	
105	Hà Khánh Huynh	22000170	22/02/2008	C03	26.38	22	22	06712	LCH	
106	Nguyễn Việt Đức	42000193	23/01/2008	QDA	26.38	42	42	18781	LCH	
107	Nguyễn Hồng Phúc	42006435	14/10/2008	C03	26.38	42	42	18073	LCH	
108	Nguyễn Ngọc Minh	01089941	15/06/2008	C03	26.38	01	01	09877	LCH	
109	Lường Xuân Định	11003085	18/06/2008	C03	26.36	11	11	03352	LCH	
110	Lò Văn Nhân	12002022	21/01/2008	C03	26.36	12	12	03583	LCH	
111	Nông Chí Dũng	19021804	19/07/2007	C04	26.36	19	19	05455	LCH	
112	Vàng Thanh Sơn	11004050	15/04/2007	C03	26.36	11	11	03385	LCH	
113	Nguyễn Duy Anh Khoa	19003090	07/11/2007	C03	26.36	19	19	01840	LCH	
114	Thương Văn Tình	08009661	17/09/2008	C03	26.36	08	08	02359	LCH	
115	Hà Văn Hoàng	04001735	30/03/2007	C03	26.36	04	04	01726	LCH	
116	Lộc Xuân Đăng	08008541	06/08/2008	C03	26.36	08	08	02248	LCH	
117	Mùi Văn Nhật	14013588	21/09/2007	C03	26.36	14	14	04048	LCH	
118	Ma Văn Khánh	20006436	20/04/2008	C03	26.36	20	20	06103	LCH	
119	Nguyễn Văn Thành	25010730	17/11/2008	C03	26.27	25	25	08707	LCH	
120	Lê Đức Hải	38019650	18/07/2008	D01	26.27	38	38	15553	LCH	
121	Ngô Xuân Dũng	40020658	10/04/2008	C03	26.27	40	40	17605	BPH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
122	Nguyễn Mạnh Hùng	33001160	07/09/2008	C03	26.27	33	33	12019	LCH	
123	Nguyễn Đức Anh	31030984	18/03/2008	C03	26.27	31	31	10966	LCH	
124	Trần Hậu Duy	42008486	08/05/2008	C03	26.27	42	42	18073	LCH	
125	Lê Trọng Anh Tuấn	40035356	10/09/2008	C03	26.27	40	40	17971	LCH	
126	Phạm Minh Oanh	37029184	17/11/2008	C03	26.27	37	37	13753	LCH	
127	Đinh Thanh Tùng	31050405	04/01/2008	C03	26.27	31	31	10633	LCH	
128	Nguyễn Đình Huy	25042406	15/07/2008	C03	26.26	25	25	08290	LCH	
129	Nguyễn Đình Việt Anh	04000151	19/05/2008	C03	26.26	04	04	01279	LCH	
130	Hoàng Giang Nam	42000485	30/10/2005	C03	26.25	42	42	18814	LCH	
131	Bùi Văn Tuấn	42010169	08/01/2007	C03	26.20	42	42	18409	LCH	
132	Lò Đức Bảo	14005158	31/01/2008	C04	26.20	14	14	04105	LCH	
133	Triệu Xuân Dương	19008073	20/02/2008	C03	26.20	19	19	05581	LCH	
134	Khổng Trường Sơn	19019941	22/07/2008	C03	26.20	19	19	01921	LCH	
135	Quàng Việt Tiến	11004095	08/11/2007	C03	26.20	11	11	03203	LCH	
136	Lương Tuấn Khang	40007667	24/04/2008	C03	26.20	40	40	16777	LCH	
137	Nguyễn Đức Huy	14010294	28/01/2008	C03	26.20	14	14	04231	LCH	
138	Đoàn Duy Khôi	08008798	29/09/2008	C03	26.20	08	08	02245	BPH	
139	Tao Văn Huy	11007821	02/02/2007	C03	26.20	11	11	03160	LCH	
140	Phạm Quý Tâm	38014774	23/01/2007	C03	26.20	38	38	15061	LCH	
141	Lý Văn Dương	08011204	09/09/2008	C03	26.20	08	08	02404	LCH	
142	Triệu Đức Huy	19002640	13/06/2008	C03	26.20	19	19	01933	LCH	
143	Bùi Nguyễn Nhuận	38011508	24/01/2007	C03	26.20	38	38	16225	LCH	
144	Nguyễn Quang Minh	25033411	03/02/2008	C03	26.18	25	25	08479	LCH	
145	Lê Việt Thái	38011204	11/06/2008	C03	26.18	38	38	16186	LCH	
146	Phạm Khắc Thành Vinh	37032504	15/03/2008	QDA	26.18	37	37	13822	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
147	Đào Hải Đăng	37023026	20/01/2008	D01	26.13	37	37	13285	LCH	
148	Trương Đình Minh Đức	37025743	24/12/2008	C03	26.13	37	37	13684	LCH	
149	Phạm Hữu Tuấn	38001685	19/10/2008	D01	26.13	38	38	14758	BPH	
150	Phạm Nhật Minh	40000589	05/04/2008	C01	26.13	40	40	16690	LCH	
151	Trịnh Huy Tùng	37026142	18/01/2008	QDA	26.13	37	37	13972	LCH	
152	Nguyễn Gia Bảo	25001506	24/10/2008	C03	26.13	25	25	08716	LCH	
153	Bùi Văn Hiền	25008540	17/07/2008	C03	26.04	25	25	05347	LCH	
154	Lò Văn Nhất	11005741	25/11/2007	C03	26.04	11	11	03295	LCH	
155	Nguyễn Tiến Đạt	15013744	25/12/2008	C03	26.04	15	15	04363	LCH	
156	Trịnh Minh Hiếu	20006934	14/05/2007	C03	26.04	20	20	06325	LCH	
157	Hoàng Minh Tiến	08010549	18/08/2008	C03	26.04	08	08	02392	LCH	
158	Trương Anh Khang	38016270	20/01/2008	C03	26.04	38	38	15229	LCH	
159	Nông Xuân Khải	08009016	30/08/2007	C04	26.04	08	08	02308	LCH	
160	Nguyễn Doãn Khanh	14004300	16/03/2008	C03	26.04	14	14	04246	BPH	
161	Nguyễn Đình Nam	08009483	20/06/2007	C03	26.04	08	08	02353	LCH	
162	Lục Huy Hoàng	24023057	09/09/2008	C03	26.04	24	24	07531	LCH	
163	Hà Trung Hiếu	38011418	06/09/2007	C03	26.04	38	38	16186	LCH	
164	Sùng A Quân	25019258	27/10/2008	C03	26.04	25	25	05212	LCH	
165	Vũ Trương Nam Phong	31055730	01/05/2008	QDA	26.03	31	31	11239	LCH	
166	Phan Văn Tiến Dũng	42014813	04/01/2008	QDA	26.03	42	42	18277	LCH	
167	Nguyễn Ngọc Hưng	33033946	29/05/2008	C03	26.03	33	33	12526	LCH	
168	Trương Đức Trung	37031709	21/02/2008	C03	26.03	37	37	13864	LCH	
169	Bùi Thái Sơn	37029235	13/12/2008	C03	26.03	37	37	13753	LCH	
170	Hồ Anh Quân	42016174	18/10/2008	C01	26.03	42	42	18133	LAH	
171	Văn Thái Sơn	40032932	11/09/2008	C03	26.03	40	40	17920	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
172	Nguyễn Ngọc Minh Quân	31019972	20/09/2008	C03	26.00	31	31	11411	BPH	
173	Ngô Thành Đạt	38025173	17/12/2007	D01	26.00	38	38	16342	LCH	
174	Hoàng Gia Hưng	08017534	29/12/2008	C03	26.00	08	08	02455	LCH	
175	Hà Đức Tâm	19005831	15/01/2008	C03	25.95	19	19	01843	LCH	
176	Ngô Gia Thịnh	25033590	10/01/2008	C03	25.95	25	25	08542	LCH	
177	Trương Dương Khánh	08002236	04/08/2008	C04	25.95	08	08	00691	LCH	
178	Cồ Hu Già	12001971	09/10/2008	C03	25.95	12	12	03562	BPH	
179	Lê Hoàng Tấn Sang	37021548	14/08/2008	C03	25.89	37	37	13291	LCH	
180	Nguyễn Anh Quân	38005164	28/02/2008	C03	25.89	38	38	14818	LCH	
181	Trần Nam Hưng	33000172	08/06/2008	C04	25.89	01	01	00103	LCH	
182	Trịnh Đăng Dương	01098216	30/10/2008	C03	25.89	01	01	10072	LCH	
183	Đỗ Duy Phong	24026988	18/09/2008	C03	25.89	24	24	09187	LCH	
184	Nguyễn Duy Anh		30/08/2008	HSA	25.89	25	25	08716	LCH	
185	Vũ Đại Lộc	22009154	23/02/2008	D01	25.89	22	22	06688	LCH	
186	Lò Mạnh Quân	11004587	19/05/2007	C03	25.88	11	11	03256	LCH	
187	Ngân Công Vũ	38014316	04/12/2008	C03	25.88	38	38	15010	LCH	
188	Lường Văn Hiệp	11002446	25/04/2008	C03	25.88	11	11	03325	LCH	
189	Nguyễn Cao Cường	25042306	21/04/2008	C03	25.88	25	25	08305	LCH	
190	Trần Hồng Sơn	04004204	30/11/2008	C03	25.88	04	04	01618	LCH	
191	Bạc Cẩm Chi	11004958	23/12/2008	C03	25.88	11	11	03283	LCH	
192	Nguyễn Trung Kiên	40039919	20/02/2007	C03	25.83	40	40	17032	LCH	
193	Hà Đức Thiện	25002115	11/04/2008	C03	25.83	25	25	08545	LCH	
194	Nguyễn Văn Quyền	42004397	20/10/2008	C03	25.80	42	42	18742	LCH	
195	Phạm Trung Kiên	31045506	18/08/2007	C03	25.80	31	31	10792	LCH	
196	Trần Đức Dũng	40017760	14/09/2008	C03	25.80	40	40	17506	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
197	Trần Nguyễn Nam Khánh	15014135	04/12/2007	C03	25.80	15	15	04273	LCH	
198	Trần Văn Trí	37009426	04/02/2008	C03	25.80	37	37	14746	LCH	
199	Trần Quang Linh	42009956	06/04/2007	C03	25.80	42	42	18583	LCH	
200	Lê Đức Hải	33024172	08/11/2007	C03	25.80	33	33	12826	BPH	
201	Nguyễn Sỹ Tứ Quảng	40018110	08/09/2008	C03	25.80	40	40	17506	LCH	
202	Vũ Văn Tuấn	33010199	15/07/2008	C03	25.80	33	33	12364	LCH	
203	Vũ Tuấn Anh	37031824	05/04/2008	C04	25.80	37	37	13807	LCH	
204	Nguyễn Trung Quân	37029214	12/05/2008	C03	25.80	37	37	13750	LCH	
205	Phạm Quang Anh	33019013	09/02/2008	C03	25.80	33	33	12586	LCH	
206	Nguyễn Hoàng Dũng	42004568	16/07/2008	C03	25.80	42	42	18619	LCH	
207	Phạm Tiến Đạt	01037560	16/10/2008	D01	25.75	01	01	00337	LCH	
208	Vương Đức Anh	19011678	09/09/2008	D01	25.73	19	19	05641	LCH	
209	Đỗ Quang Vinh	38015765	16/11/2008	C03	25.73	38	38	15187	LCH	
210	Thào A Minh	11006134	01/01/2008	QDA	25.73	11	11	03226	LCH	
211	Lò Văn Ngọc	12004120	27/03/2008	C04	25.73	12	12	03598	LCH	
212	Vương Bảo Lưu	15007088	02/03/2008	C03	25.73	15	15	02788	LCH	
213	Hoàng Tấn Dũng	25002686	01/10/2008	C04	25.73	25	25	04924	LCH	
214	Nguyễn Hà Dũng	25027978	24/07/2008	C04	25.73	25	25	08296	LCH	
215	Đinh Hoàng Đạt	19002959	08/02/2008	C03	25.73	19	19	01840	LCH	
216	Lương Trung Kiên	04002431	06/12/2007	C04	25.73	04	04	01786	LCH	
217	Trần Đông Đông	04001123	14/01/2008	C03	25.73	04	04	01273	LCH	
218	Hoàng Ngọc Duy	04000841	25/10/2007	C03	25.73	04	04	01618	LCH	
219	Phạm Trung Thành	38014786	06/05/2007	C03	25.73	38	38	15061	LCH	
220	Giàng A Páo	15016979	21/01/2008	C03	25.73	15	15	04465	LCH	
221	Lục Tuấn Anh	08013234	13/12/2007	C03	25.73	08	08	02620	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
222	Đỗ Đình Hưng	25042424	18/03/2008	C03	25.73	25	25	08290	LCH	
223	Hà Trung Hiếu	25031446	04/05/2008	C03	25.73	25	25	08566	LCH	
224	Lèo Thanh Thiện	20009995	20/12/2007	C03	25.73	20	20	06400	LCH	
225	Bùi Phương Nam	25008612	05/04/2008	C03	25.73	25	25	05347	LCH	
226	Lý Đức Tuy	20008094	30/01/2008	C03	25.73	20	20	06505	LCH	
227	Đặng Trung Thu	08009090	14/09/2008	C03	25.73	08	08	02332	LCH	
228	Vi Minh Tuấn	20001470	26/03/2008	D01	25.73	20	20	05977	LAH	
229	Lưu Thế Giang	20006328	19/11/2008	C03	25.73	20	20	06091	LCH	
230	Vàng A Pủa	15016982	27/08/2008	C03	25.73	15	15	04492	BPH	
231	Hoàng Quốc An	15008777	01/02/2008	C03	25.73	15	15	03103	BPH	
232	Lý Lâm Ba	20007495	06/02/2008	C03	25.73	20	20	06505	BPH	
233	Lưu Quang Thắng	33019615	14/08/2008	C03	25.66	33	33	12586	LCH	
234	Trần Như Long	08017044	28/07/2008	D01	25.65	08	08	02215	LCH	
235	Lê Minh Phúc	38002125	26/02/2008	C03	25.65	38	38	14797	LCH	
236	Nguyễn Thành Đạt	38006938	15/07/2008	C03	25.65	38	38	16522	LCH	
237	Lê Nhật Minh	42000459	15/05/2008	C03	25.65	42	42	18781	LCH	
238	Triệu Đức Du	08008733	01/03/2007	C03	25.63	08	08	02260	LCH	
239	Lê Phi Tuấn Anh	40027495	10/03/2008	C03	25.57	40	40	17641	LCH	
240	Tô Văn Trường	38035398	09/08/2008	C04	25.57	38	38	16078	LCH	
241	Võ Khắc Đức Hùng	42014924	07/03/2008	C03	25.57	42	42	18277	LCH	
242	Phan Chí Bang	25022958	30/10/2008	C03	25.57	25	25	09106	LCH	
243	Phạm Văn Bảo	42016389	16/10/2008	C01	25.57	42	42	18202	LCH	
244	Hà Đức Thịnh	25027536	20/12/2008	C01	25.57	25	25	08824	LCH	
245	Đỗ Quang Huy	38021714	17/03/2007	C03	25.57	38	38	15772	LCH	
246	Nguyễn Đình Anh Tuấn	40038305	08/06/2008	C03	25.57	40	40	18007	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
247	Nguyễn Duy Thế	25011138	14/06/2008	C04	25.57	25	25	08071	BPH	
248	Hồ Sỹ Trường Huy	40017335	04/08/2008	C03	25.57	40	40	17287	LCH	
249	Bùi Trí Dũng	33027221	03/02/2008	C03	25.57	33	33	12631	LCH	
250	Hà Hải Đăng	08008972	05/11/2008	QDA	25.57	08	08	02317	LCH	
251	Đào Thế Khoang	12003114	25/06/2008	C03	25.57	12	12	03445	LCH	
252	Đinh Thanh Hà	25033210	03/09/2008	C03	25.57	25	25	08614	LCH	
253	Mạc Quốc Cường	19019166	26/08/2008	C03	25.57	19	19	05641	LCH	
254	Đinh Công Anh	25042244	25/08/2008	C03	25.57	25	25	08290	LCH	
255	Đinh Quang Hưng	25042422	21/08/2008	C03	25.57	25	25	08290	LCH	
256	Phùng Hoàng Bảo	20000814	26/01/2008	C03	25.57	20	20	06286	LCH	
257	Trương Văn Duy	25030108	02/05/2008	C03	25.57	25	25	08914	LCH	
258	Đinh Thành Trung	25019922	24/12/2008	C03	25.57	25	25	08290	LCH	
259	Lương Văn Hưng	15009418	27/02/2008	C04	25.57	15	15	03061	LCH	
260	Chu Đức Toàn	01082871	21/09/2008	HSA	25.50	01	01	09694	LCH	
261	Lê Hà Nguyên	40015675	28/03/2007	C03	25.50	40	40	17263	LCH	
262	Nguyễn Tuấn Anh	25010871	18/08/2008	C03	25.43	25	25	08053	LCH	
263	Nguyễn Tiến Dũng	01054437	01/07/2008	C03	25.41	01	01	00562	LCH	
264	Mai Hồng Đăng	01092741	07/02/2008	C03	25.41	01	01	09952	LCH	
265	Chu Lê Tùng Lâm	38004033	04/08/2008	C03	25.41	38	38	14797	LCH	
266	Lê Quang Vinh	42005960	01/03/2008	C03	25.41	42	42	18100	LAH	
267	Hoàng Tuấn Đạt	40031150	09/11/2007	C03	25.41	40	40	17713	LCH	
268	Chữ Phúc Hiền	01051017	25/10/2008	C03	25.41	01	01	00577	LCH	
269	Trần Tuấn Đạt	33000097	12/06/2008	C03	25.41	33	33	11953	LCH	
270	Hoàng Đức Huy	24004526	08/07/2008	C03	25.41	24	24	07682	LCH	
271	Vũ Quốc Linh	33015850	24/05/2008	C03	25.41	33	33	12133	LAH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
272	Phan Đình Nhật Nam	42005618	17/09/2008	D01	25.41	42	42	18073	LCH	
273	Lê Tiến Khánh	40041751	03/07/2008	C03	25.41	40	40	17125	LCH	
274	Phạm Cao Hưng	08016927	29/01/2008	QDA	25.41	08	08	02215	LCH	
275	Đinh Hoàng Long	22008316	21/12/2008	C03	25.41	22	22	06688	LCH	
276	Triệu Ngọc Đan	08009231	29/09/2007	C03	25.41	08	08	02353	LCH	
277	Lường Văn Tĩnh	11004661	25/05/2008	C03	25.41	11	11	03256	LCH	
278	Hà Mạnh Huân	19003029	26/11/2007	C03	25.41	19	19	01840	LCH	
279	Nguyễn Hoàng Minh	08009469	03/12/2008	C03	25.41	08	08	02287	LCH	
280	Bùi Tuấn Thành	38014782	27/06/2008	C03	25.41	38	38	15124	LCH	
281	Nguyễn Trí Thức	08008485	29/04/2008	C03	25.41	08	08	02266	TTH	
282	Ma Văn Phong	08008147	10/04/2007	C03	25.41	08	08	02302	LCH	
283	Hoàng Hải Trường	19022467	28/12/2008	C03	25.41	19	19	05716	LCH	
284	Nông Đình Mạnh	08009040	23/09/2008	C03	25.41	08	08	02317	LCH	
285	Đào Duy Mạnh	25010600	26/03/2008	C03	25.33	25	25	09025	LCH	
286	Nguyễn Minh Đức	31052268	13/09/2008	C03	25.33	31	31	10813	LCH	
287	Phạm Văn Hoàng	31049974	01/03/2007	C03	25.33	31	31	10633	LCH	
288	Thái Đình Hưng	40028404	30/10/2007	C03	25.33	40	40	17677	LCH	
289	Nguyễn Quang Huy	37013504	15/02/2008	C03	25.33	37	37	13540	LCH	
290	Nguyễn Văn Thủy	42004070	23/12/2008	C03	25.33	42	42	18673	LCH	
291	Bùi Hữu Bằng	37040130	31/01/2008	C03	25.33	37	37	14089	LCH	
292	Đàm Thế Anh	38036233	23/01/2008	C03	25.33	38	38	16480	LCH	
293	Đinh Anh Ánh Tùng	25029384	08/01/2008	C03	25.33	25	25	08905	LCH	
294	Ngô Quang Tuấn	33027087	27/08/2008	C03	25.33	33	33	13219	LCH	
295	Trần Văn Quân	25040616	16/02/2008	C04	25.33	25	25	08152	DCH	
296	Nguyễn Đức Minh	38018817	08/11/2008	C03	25.33	38	38	15592	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
297	Tổng Mạnh Tường	38028727	15/04/2007	C04	25.33	38	38	15271	LCH	
298	Phạm Xuân Minh Tuấn	40019327	24/11/2008	C03	25.33	40	40	17560	BPH	
299	Lê Ngọc Minh	38011886	05/03/2008	C03	25.33	38	38	16249	LCH	
300	Nguyễn Tuấn Anh	08017793	14/01/2008	C01	25.28	08	08	02470	LCH	
301	Phan Tuấn Đạt	11006630	07/01/2008	C03	25.28	11	11	03172	LCH	
302	Nguyễn Gia Khang	01026648	24/11/2008	C03	25.25	01	01	00103	LCH	
303	Lê Vũ Hùng	19008218	20/11/2008	QDA	25.25	19	19	05581	LCH	
304	Ma Công Thanh	08008175	06/08/2007	QDA	25.25	08	08	02296	LCH	
305	Sầm Kim Sơn	40007885	13/01/2008	C03	25.25	40	40	16777	LCH	
306	Nông Bảo Phúc	19003242	27/05/2007	C03	25.25	19	19	01840	LCH	
307	Bành Việt Hưng	04002120	12/04/2008	C03	25.25	04	04	01654	LCH	
308	Nguyễn Tiến Đạt	08000536	25/04/2007	C03	25.25	08	08	00820	LCH	
309	Trương Cao Cường	19002924	29/08/2008	C03	25.25	19	19	01840	LCH	
310	Đàm Xuân Giang	15000924	29/11/2008	C03	25.25	15	15	02902	LCH	
311	Lò Văn Mạnh	38011058	19/01/2008	C03	25.25	38	38	16213	LCH	
312	Vi Duy Mạnh	38010070	28/01/2007	C03	25.25	38	38	15610	LCH	
313	Phùng Long Vũ	25007699	15/07/2008	C03	25.25	25	25	05047	LCH	
314	Quảng Việt Lâm	11005701	21/07/2008	C03	25.25	11	11	03295	LCH	
315	Nguyễn Hán Chiến	25042300	04/08/2008	C03	25.25	25	25	08290	LCH	
316	Nguyễn Cao Hải Triều	38007927	16/10/2008	C03	25.25	38	38	14869	LCH	
317	Trịnh Ngọc An	24020392	12/12/2008	C04	25.25	24	24	07525	LCH	
318	Lò Tuấn Đạt	11003081	15/11/2008	C04	25.25	11	11	03352	LCH	
319	Lữ Trung Kiên	40005372	02/02/2008	C03	25.21	40	40	17044	LCH	
320	Nguyễn Quang Lâm	25002050	23/09/2008	C03	25.21	25	25	08290	LCH	
321	Má A Sèo	15007839	06/12/2007	C04	25.21	15	15	03006	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
322	Sùng Linh Phong	08003191	19/06/2007	C03	25.21	08	08	00721	LCH	
323	Lò Nhật Sơn	14005678	02/03/2008	C03	25.20	14	14	04159	LCH	
324	Đỗ Minh Đức	25035307	06/05/2008	C03	25.17	25	25	08707	LCH	
325	Lê Quang Thế Anh	01107570	28/03/2008	D01	25.17	01	01	10096	LCH	
326	Phạm Việt Dương	15010365	13/02/2008	C03	25.17	15	15	04252	LAH	
327	Mai Minh Nhật	37003334	19/07/2008	C03	25.17	37	37	14533	LCH	
328	Hồ Anh Dũng	40001226	08/09/2008	C03	25.17	40	40	16702	LCH	
329	Trịnh Tuấn Vũ	33031128	30/08/2008	C03	25.17	33	33	12454	LCH	
330	Nguyễn Hoàng Nam	25015042	09/08/2008	C03	25.17	25	25	07894	LCH	
331	Nguyễn Đình Nghĩa	01077632	13/11/2008	C03	25.17	01	01	09616	LCH	
332	Thân Long Hải	24028293	14/04/2008	C03	25.17	24	24	09187	LCH	
333	Đinh Văn Thành	25033567	13/06/2008	QDA	25.14	25	25	08584	LCH	
334	Hoàng Minh Triết	08007771	23/10/2008	QDA	25.14	08	08	01255	LCH	
335	Nguyễn Xuân Sang	38024005	17/07/2008	C03	25.10	38	38	15682	LCH	
336	Trần Việt Cường	37018972	19/08/2008	C03	25.10	37	37	13591	LCH	
337	Đoàn Minh Liêm	40030807	11/11/2008	C04	25.10	40	40	17779	LCH	
338	Chu Tuấn Kiệt	25022138	11/09/2008	C03	25.10	25	25	08950	LCH	
339	Nguyễn Đức Anh	38029306	06/11/2008	D01	25.10	38	38	15925	LCH	
340	Khổng Gia Bảo	25027107	19/08/2008	C03	25.10	25	25	08848	LCH	
341	Phan Sơn Nam	38027253	21/01/2008	C03	25.10	38	38	16378	LCH	
342	Nguyễn Trọng Hợp	40020746	01/06/2008	D01	25.10	40	40	17605	LCH	
343	Nguyễn Ngọc Thạnh	31054806	29/03/2008	C03	25.10	31	31	11131	LCH	
344	Nguyễn Trọng Vững	33014426	26/09/2007	C04	25.10	33	33	11995	LCH	
345	Bùi Đình Bảo Nam	37033512	27/10/2008	C04	25.10	37	37	13984	LCH	
346	Phạm Văn Cường	42004560	20/10/2007	C03	25.10	42	42	18739	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
347	Nguyễn Trọng Sơn	25013086	06/08/2008	C03	25.10	25	25	08479	BPH	
348	Nguyễn Doãn Hoàng Hải	31054436	12/04/2008	C04	25.10	31	31	11131	LCH	
349	Lê Văn Minh Chiến	38010813	16/02/2008	C03	25.10	38	38	16174	LCH	
350	Phùng Văn Thúc	25002126	17/09/2008	C03	25.08	25	25	08311	LCH	
351	Nguyễn Minh Công	38015491	23/08/2008	C03	25.05	38	38	15211	LCH	
352	Lê Trung Hiếu	38009973	25/09/2008	C03	25.05	38	38	15646	LCH	
353	Đào Phương Linh	01051851	23/06/2008	C03	25.02	01	01	09616	LCH	
354	Bùi Hồng Đức	38015855	15/10/2006	C03	25.02	38	38	15199	LCH	
355	Đỗ Gia Bảo	31018380	06/03/2008	C03	25.00	31	31	11560	LCH	
356	Nguyễn Văn Quân	01070816	12/11/2008	C03	25.00	01	01	09556	LCH	
357	Vũ Hồng Dương	08016787	09/07/2008	C03	25.00	08	08	02512	LCH	
358	Nguyễn Đức Lân	15011641	15/08/2008	C03	25.00	15	15	04336	LCH	
359	Phan Huy Tân	40017069	26/11/2007	C03	25.00	40	40	17272	LCH	
360	Leo Văn Khôi	24020787	15/06/2008	C03	25.00	24	24	07612	LCH	
361	Chèo Sếnh Choài	12001948	28/08/2008	C03	25.00	12	12	03549	LCH	
362	Ma Công Nam	08008108	16/03/2008	C03	25.00	08	08	02296	LCH	
363	Sùng Anh Minh	11000905	03/12/2008	C03	25.00	11	11	03382	LCH	
364	Nguyễn Trung Kiên	04002445	25/02/2008	C03	25.00	04	04	01654	LCH	
365	Giảng Quang Trung	15008756	08/10/2008	C03	25.00	15	15	02824	LCH	
366	Trần Minh Dương	01080831	01/11/2008	C03	25.00	01	01	09694	LCH	
367	Hoàng Duy Lực	15018795	16/10/2008	C01	25.00	15	15	04711	LCH	
368	Chu Minh Quân	22002839	02/08/2008	C03	25.00	22	22	06838	LCH	
369	Nguyễn Hoàng Anh Tú	25033644	20/12/2008	C03	25.00	25	25	08542	LCH	
370	Đỗ Phúc An	01062236	03/04/2008	C03	24.93	01	01	00475	LCH	
371	Trần Nguyên Kiệt	15004283	25/09/2008	D01	24.93	15	15	02761	BPH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
372	Chu Dương Khoa	37022008	27/07/2008	C03	24.93	37	37	13285	LCH	
373	Nguyễn Chu Hải Anh	01060494	24/03/2007	D01	24.93	01	01	00376	LCH	
374	Trần Hữu Nam Anh	40001113	06/10/2008	C03	24.93	40	40	16702	LCH	
375	Hoàng Quốc Chấn	01055710	17/11/2008	C03	24.93	01	01	00454	LCH	
376	Chu Minh Sáng	01082171	06/01/2008	C03	24.93	01	01	09664	LCH	
377	Nguyễn Chí Trường Mạnh	15011007	10/06/2008	C03	24.93	15	15	04252	LCH	
378	Hà Việt Anh	22014662	24/07/2008	C03	24.93	22	22	07168	BPH	
379	Trương Đức Anh	24028835	15/06/2008	HSA	24.87	24	24	09238	LCH	
380	Lê Huy Anh	38027521	30/11/2008	C04	24.87	38	38	14797	LCH	
381	Nguyễn Văn Trung	40035930	14/09/2008	C03	24.87	40	40	18001	LCH	
382	Nguyễn Đức Thọ	37007277	05/11/2008	C03	24.87	37	37	14428	LCH	
383	Nguyễn Mạnh Tuấn	42002280	01/11/2008	C03	24.87	42	42	18844	LCH	
384	Lê Đình Nam	38019733	23/10/2008	C04	24.87	38	38	15553	LCH	
385	Nguyễn Văn Xuân	38034998	25/07/2008	C03	24.87	38	38	16033	LCH	
386	Lê Xuân Ngọc	37032249	21/05/2008	C03	24.87	37	37	13807	LCH	
387	Lê Đức Khải	42004713	14/07/2008	C03	24.87	42	42	18685	LCH	
388	Nguyễn Văn Anh Tuấn	40029930	15/08/2007	C03	24.87	40	40	17329	LCH	
389	Hoàng Đình Nhật	40012445	22/11/2007	C03	24.87	40	40	17212	BPH	
390	Quách Văn Trung	38025594	16/02/2007	C03	24.86	38	38	16228	LCH	
391	Giàng Hoàng Anh	15008211	27/08/2007	C04	24.85	15	15	02809	LCH	
392	Nguyễn Việt Hoàng	08014522	29/01/2008	C03	24.85	08	08	02536	LCH	
393	Nguyễn Quang Khôi	25026520	10/08/2008	QDA	24.83	25	25	08023	LCH	
394	Phạm Thái Dương	15005726	12/11/2008	C03	24.83	15	15	03006	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
395	Nguyễn Đức Trung	15016259	28/05/2008	C03	24.83	15	15	04699	LCH	
396	Nguyễn Hải Đăng	25007806	23/11/2008	C03	24.80	25	25	08038	LCH	
397	Bùi Nguyễn Tuấn Khoa	37006359	19/09/2007	C03	24.80	37	37	14458	LCH	
398	Lương Thái Việt	40008673	17/01/2008	C03	24.80	40	40	17089	LCH	
399	Nông Trung Tấn	19009923	03/05/2008	C03	24.79	19	19	05692	BPH	
400	Lô Tuấn Hưng	40005346	05/10/2008	C03	24.79	40	40	17044	LCH	
401	Đặng Kim Thanh	15011690	08/05/2008	C03	24.79	15	15	04429	LCH	
402	Nguyễn Viết Hải Đăng	01053470	07/10/2008	C04	24.78	01	01	00565	LCH	
403	Phạm Quốc Anh	37037920	08/09/2006	C03	24.78	37	37	13891	LCH	
404	Nguyễn Hữu Trường	01011330	11/10/2008	D01	24.75	01	01	00256	HEH	
405	Đại Kim Hùng	25030168	02/01/2008	C03	24.75	25	25	08914	LCH	
406	Bùi Nam Tinh	38017027	09/11/2008	C03	24.75	38	38	15178	LCH	
407	Lường Văn Thủy	11004086	20/02/2007	C04	24.75	11	11	03370	LCH	
408	Nông Minh Hoàng	04001772	08/02/2008	C03	24.75	04	04	01726	LCH	
409	Trần Văn Quân	24022771	27/07/2007	C03	24.75	24	24	07525	LCH	
410	Đồng Xuân Hoàng	15016491	15/09/2007	C03	24.75	15	15	04681	LCH	
411	Quàng Xuân Hùng	14011917	17/06/2008	C04	24.75	14	14	03721	LCH	
412	Ma Seo Rèn	15006318	27/11/2008	C03	24.75	15	15	02848	LCH	
413	Lang Dương Phi	40010046	13/04/2007	C03	24.75	40	40	16774	LCH	

2. Miền Nam: 345 thí sinh

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
1	Hoàng Văn Châu	51018376	19/03/2008	C01	27.98	51	51	23510	LCH	
2	Nguyễn Đức Lộc		16/10/2008	V-ACT	27.86	75	75	25195	LCH	
3	Lê Phước Đạt	44012609	13/10/2008	C03	27.43	44	44	19363	LCH	
4	Lê Văn Hòa	91039294	01/07/2008	C03	27.08	91	91	30688	LCH	
5	Nguyễn Hải Đăng	96003560	10/07/2005	C03	27.07	96	96	32069	LCH	
6	Nông Hiếu Nghiệp	66000369	24/11/2007	QDA	26.90	66	66	24250	LCH	
7	Trần An Dương	66020325	01/05/2008	C03	26.86	66	66	24133	LCH	
8	Hồ Nguyễn Nguyên Phương	40029755	28/05/2007	C03	26.86	68	68	24751	LCH	
9	Lê Xuân Đình Dương	48018040	08/06/2008	D01	26.86	48	48	20341	LCH	
10	Lành Văn Vĩnh	66027130	06/03/2008	C03	26.83	66	66	22237	LCH	
11	Võ Quang Vinh	82020842	21/03/2007	C03	26.73	82	82	28429	LCH	
12	Nguyễn Hữu Quyền	68039474	14/03/2007	QDA	26.68	68	68	24664	LCH	
13	Nguyễn Chí Thông	75034409	07/02/2008	QDA	26.50	82	82	30235	LCH	
14	Kiều Đỗ Thái Bình	79054071	27/12/2008	D01	26.50	79	79	26890	LCH	
15	Lý Anh Kiệt	66016014	11/01/2008	QDA	26.49	66	66	24403	LCH	
16	Nguyễn Tất Thành	79089142	05/08/2007	QDA	26.44	79	79	26782	LCH	
17	Lê Minh Hải		29/12/2007	V-ACT	26.43	51	51	21025	HEH	
18	Hoàng Văn Minh	51019968	19/11/2008	C03	26.40	51	51	23377	LCH	
19	Lưu Chí Vỹ	96004130	11/05/2007	C04	26.27	96	96	32044	LCH	
20	Trần Thiện Sang	82027563	03/11/2007	C03	26.27	82	82	28525	LBH	
21	Phan Khắc Triễn	44021148	06/03/2008	C03	26.27	44	44	19681	LCH	
22	Võ Đình Minh Hiếu	68019833	27/03/2008	QDA	26.27	68	68	23005	LCH	
23	Phạm Mạnh Kiên	48012771	09/01/2008	C01	26.25	48	48	20242	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
24	Nguyễn Văn Lợi	52027025	27/11/2007	HAS	26.21	52	52	23857	LCH	
25	Nguyễn Dương Khang	92010212	01/12/2007	C03	26.18	44	44	19432	LCH	
26	Trần Huy Hoàng	51015725	13/04/2008	C03	26.18	51	51	23401	LCH	
27	Đinh Công Hậu	66019601	23/02/2007	C03	26.13	66	66	24154	LCH	
28	Lê Ngọc Châu	44007584	17/11/2008	C03	26.13	44	44	19207	LCH	
29	Huỳnh Tấn Kha	92031170	05/11/2007	C03	26.04	92	92	31717	LCH	
30	Nông Công Việt	51016080	10/04/2008	C03	26.04	51	51	23535	LCH	
31	Phạm Quý Thông	44005992	09/01/2007	C03	26.03	44	44	19126	LCH	
32	Huỳnh Khoa Học	82003658	25/10/2008	C03	26.03	82	82	30025	LCH	
33	Nguyễn Trung Hiếu	44015070	21/07/2008	C03	26.03	44	44	19351	LCH	
34	Huỳnh Thái Hùng	91026107	05/05/2006	C03	26.03	91	91	30631	LCH	
35	Nguyễn Đức Hải	92010115	05/01/2007	C03	26.03	44	44	19414	LCH	
36	Hoàng Văn Anh Quốc	92010444	02/08/2007	C03	26.03	44	44	19414	LCH	
37	Huỳnh Tuấn Nhật	48016873	15/05/2007	QDA	26.00	48	48	20341	LCH	
38	Trần Dương Hải Đăng	44005430	18/03/2008	C03	25.95	44	44	19141	LCH	
39	Vũ Nhật Mạnh	51016354	28/11/2008	C03	25.95	51	51	23293	LCH	
40	Hoàng Quang Huy	52027348	14/11/2008	C03	25.95	52	52	23884	LCH	
41	Nguyễn Minh Tài	46010516	25/06/2008	C03	25.89	46	46	19996	LCH	
42	Trần Ngọc Lâm	66018829	30/06/2008	C03	25.83	66	66	24121	LCH	
43	Nguyễn Thành Tâm	44014351	30/01/2008	C03	25.80	44	44	19495	LCH	
44	Nguyễn Thành Đạt	91020271	05/09/2008	C03	25.80	91	91	30631	LCH	
45	Nguyễn Ngọc Hòa	92010159	10/12/2007	C03	25.73	44	44	19432	BPH	
46	Trần Trung Hải	92011376	16/11/2007	C03	25.73	51	51	23293	LCH	
47	Huỳnh Gia Hào	92024538	14/11/2008	C03	25.73	92	92	31804	LCH	
48	Nguyễn Quốc Khánh	79076642	02/09/2008	C03	25.65	79	79	27553	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
49	Hồ Xuân Hân	44008961	06/07/2008	C03	25.65	44	44	19138	LCH	
50	Lê Thanh Vũ	66030135	18/02/2008	V-ACT	25.59	66	66	22114	LCH	
51	Võ Minh Hiền	91036834	27/10/2008	C03	25.57	91	91	31051	LCH	
52	Chu Gia Nghĩa	66015328	16/11/2008	C03	25.57	66	66	24502	LCH	
53	Lê Gia Khánh	75041089	24/02/2008	C03	25.51	75	75	25195	LCH	
54	Trần Minh Quyết	51017104	30/10/2008	C03	25.50	51	51	23293	LCH	
55	Lê Văn Nhất Hưng	48000467	18/02/2008	C03	25.50	48	48	20260	LCH	
56	Trần Anh Đức	51014656	19/11/2008	V-ACT	25.45	51	51	21127	LCH	
57	Nguyễn Trọng Trí	91035754	09/07/2008	V-ACT	25.42	91	91	30526	LCH	
58	Nguyễn Anh Hào	96014237	07/03/2005	C03	25.42	96	96	31942	LCH	
59	Trần Nhật Tiến	92031429	06/04/2005	C03	25.42	92	92	31723	BPH	
60	Nguyễn Tấn Tài	52020768	27/03/2008	C03	25.41	52	52	23782	LCH	
61	Trương Thiện Nhân	42000548	01/11/2008	C03	25.41	44	44	18880	LCH	
62	Lê Huy Hoàng	91014170	09/04/2008	C01	25.41	91	91	30526	LCH	
63	Huỳnh Tấn Nghĩa	92003875	28/01/2008	C03	25.41	92	92	31294	LCH	
64	Thạch Ngọc Cường	96015475	31/12/2008	C03	25.41	96	96	31891	LCH	
65	Nguyễn Gia Lực	96018939	24/01/2008	C03	25.33	96	96	31882	LCH	
66	Trần Đoàn Kết	96018825	26/01/2008	C03	25.33	96	96	31867	LCH	
67	Nguyễn Gia Hào	91018060	28/04/2008	C03	25.33	91	91	30928	LCH	
68	Nguyễn Thành Nhân	44013800	11/05/2008	C03	25.33	44	44	19405	LCH	
69	Lê Văn Thịnh	44013217	13/10/2008	C04	25.33	44	44	19372	LCH	
70	Bùi Hữu Phước	82010188	12/09/2008	C03	25.33	80	80	27856	LCH	
71	Ngô Đình Thuận	48034540	13/04/2008	C04	25.33	48	48	20875	LCH	
72	Nguyễn Hoài Nam	51019372	24/02/2008	C03	25.28	51	51	23401	LCH	
73	Nguyễn Văn Tuyển	92010591	05/11/2007	C03	25.19	44	44	19414	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
74	Phan Quốc Dương	44012599	11/10/2007	C03	25.10	44	44	19363	LCH	
75	Nguyễn Phú Bình	82014113	09/04/2008	C03	25.10	82	82	30214	LCH	
76	Nguyễn Huy Lân	51021376	11/09/2008	C03	25.00	51	51	23455	LCH	
77	Vương Ngọc Huy	68040924	19/02/2008	C03	25.00	68	68	24670	LCH	
78	Phan Minh Đạt	82006877	03/05/2007	C03	24.93	82	82	30037	LCH	
79	Đào Anh Tâm	68001494	11/12/2008	C03	24.93	68	68	24805	LCH	
80	Phan Hùng Thịnh	82022556	23/08/2007	C03	24.93	82	82	28444	LCH	
81	Trần Nguyễn Hoài Nam	52019141	21/07/2007	C03	24.87	52	52	21985	LCH	
82	Cao Viết Long	44003055	02/12/2007	C03	24.87	44	44	19009	HEH	
83	Hồ Anh Dũng	51014624	15/01/2007	C03	24.85	51	51	21154	LCH	
84	Lê Tuấn Duy	44017934	14/03/2008	C03	24.83	44	44	19462	LCH	
85	Vũ Tuấn Anh	66000027	05/11/2008	C03	24.83	66	66	24241	LCH	
86	Nguyễn Thanh Liêm	92006378	26/02/2008	C03	24.75	92	92	31183	LCH	
87	Nguyễn Văn Hòa	66005578	23/11/2007	C03	24.75	66	66	24352	LCH	
88	Nguyễn Tuấn Khanh	92011459	19/10/2007	C03	24.73	44	44	19414	LCH	
89	Trần Văn Quân	44013837	28/11/2008	C03	24.73	44	44	19405	LCH	
90	Lê Văn Kha	48024632	14/07/2008	C01	24.68	48	48	20401	LCH	
91	Hoàng Việt Long	44012748	23/11/2008	C03	24.63	44	44	19363	LCH	
92	Phan Thanh Bình	48026485	30/06/2008	C03	24.63	48	48	20977	LCH	
93	Nguyễn Thanh Hưng	52012888	04/06/2008	C03	24.63	52	52	21730	LCH	
94	Trần Quốc Đạt	44010586	27/08/2007	C03	24.63	44	44	19249	LCH	
95	Phạm Gia Khiêm	44003452	31/08/2008	C03	24.63	44	44	19021	LCH	
96	Nguyễn Thành Đạt	44005427	25/09/2007	C04	24.60	44	44	19141	LCH	
97	Nguyễn Trí Tài	51019473	27/09/2008	C03	24.60	51	51	23401	LCH	
98	Sơn Hoàng Nhật	96003858	16/05/2005	C03	24.58	Q1	96	32191	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
99	Trần Quang Vinh	44003823	11/05/2008	QDA	24.54	44	44	19033	LCH	
100	Lý Anh Tuấn	96015724	16/11/2008	C03	24.50	96	96	31840	LCH	
101	Triệu Hoàng Vũ	68041102	06/12/2008	C03	24.50	68	68	24670	LCH	
102	Trần Bình Trọng	82010657	12/09/2008	C03	24.49	82	82	30055	LCH	
103	Dương Khánh Khang	96009332	29/10/2008	C03	24.49	96	96	32188	LCH	
104	Khắc Trọng Trường	44005642	23/04/2008	C03	24.47	44	44	19141	LCH	
105	Nguyễn Tấn Khang	91035522	29/10/2008	C03	24.44	91	91	30502	LCH	
106	Phan Quốc Kiệt	82001099	10/12/2008	C03	24.44	82	82	29971	LCH	
107	Lê Anh Phúc	44013823	30/03/2008	C03	24.40	44	44	19405	LCH	
108	Dương Đức Trường	44013614	12/10/2008	C03	24.40	44	44	19501	LCH	
109	Trương Thành Lộc	75040506	29/06/2008	C04	24.40	75	75	25363	LCH	
110	Trần Đức Tài	44012918	15/07/2008	C03	24.40	44	44	19363	LCH	
111	Trần Duy Khánh	96007669	11/04/2008	C03	24.40	96	96	32098	LCH	
112	Nguyễn Minh Luân	82002516	12/02/2008	C03	24.40	82	82	29971	LCH	
113	Hoàng Văn Huy	44013727	19/04/2008	C03	24.40	44	44	19405	LCH	
114	Đường Anh Thắng	75021818	08/07/2008	C03	24.40	75	75	26206	LCH	
115	Vũ Cao Sơn	56006820	29/07/2008	C03	24.38	56	56	22402	LCH	
116	Mai Tiến Hùng	51018968	10/06/2008	C03	24.38	51	51	23512	LCH	
117	Vũ Đức Đạt	52023783	17/07/2008	C01	24.38	52	52	23857	LCH	
118	Nguyễn Huy Hoàng	92013858	11/05/2005	C03	24.35	91	91	30520	LCH	
119	Võ Văn Minh Đức	82001038	16/04/2008	C03	24.30	82	82	29978	LCH	
120	Hoàng Trung Nguyên	48005455	22/05/2008	C03	24.25	48	48	20200	LCH	
121	Danh Hoàng Hào	91012234	12/03/2008	C03	24.25	91	91	30898	LCH	
122	Phan Duy Khải	44015995	23/06/2008	C03	24.20	44	44	19351	LCH	
123	Trần Anh Tú	79130431	14/10/2008	C03	24.20	79	79	26526	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
124	Đặng Gia Khiêm	96009359	02/05/2008	C03	24.17	96	96	32155	BPH	
125	Bùi Nguyễn Minh Triết	75040740	04/09/2008	C03	24.17	75	75	25363	LCH	
126	Nguyễn Hoàng Anh	82002294	16/10/2007	C03	24.17	82	82	29971	LCH	
127	Trương Thanh Bình	44000584	12/08/2007	C03	24.17	44	44	18949	LCH	
128	Nguyễn Quang Thái Bảo	44012558	01/11/2008	C03	24.17	44	44	19363	LBH	
129	Phạm Tấn Đạt	82002904	09/06/2008	C03	24.17	82	82	29992	LCH	
130	Lê Hoàng Nghi	96017298	25/05/2008	C04	24.17	96	96	31993	LCH	
131	Trần Bảo Quốc	96019103	09/10/2008	C03	24.17	96	96	31882	BPH	
132	Bùi Thiên Ân	86008391	01/02/2008	C03	24.17	86	86	28996	LCH	
133	Nguyễn Lê Diễm Trúc	51002696	10/12/2008	C04	24.17	51	51	21205	LCH	
134	Hồ Minh Tuấn	44020728	01/01/2008	C03	24.17	44	44	19366	LCH	
135	Mai Trần Chí Quân	92010436	01/12/2007	C03	24.15	44	44	19432	BPH	
136	Trịnh Tấn Đạt	66015838	07/01/2008	C03	24.15	66	66	24373	LCH	
137	Trần Tấn Phát	91022548	07/11/2008	C03	24.15	91	91	30742	LCH	
138	Nguyễn Quốc Kiên	91009618	20/12/2008	C03	24.15	91	91	31078	LCH	
139	Nguyễn Trần Đình Trung	68017017	27/08/2008	QDA	24.05	68	68	25105	LCH	
140	Trần Vũ Luân	82001122	10/02/2006	C03	24.00	82	82	29955	LCH	
141	Lê Minh Huy	92007080	12/01/2008	C03	24.00	92	92	31168	LCH	
142	Phạm Gia Khánh	79044083	20/11/2008	C03	24.00	79	79	26791	LCH	
143	Phạm Khánh Hưng	79047138	29/07/2008	C03	24.00	75	75	26434	LCH	
144	Nay Khánh	52032806	25/09/2007	C04	24.00	52	52	24076	LCH	
145	A Cầm	51015623	10/05/2008	C03	24.00	51	51	23356	LCH	
146	Nguyễn Trần Duy Thảo	51005233	12/09/2008	C03	23.96	51	51	21025	LCH	
147	Đỗ Tiến Mạnh	75041176	12/08/2008	C03	23.96	75	75	25195	LCH	
148	Cao Xuân Thọ	75041408	10/05/2008	C03	23.96	75	75	25195	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
149	Nguyễn Hữu Luân	86016874	29/08/2008	C03	23.93	86	86	29602	LCH	
150	Phan Nguyễn Khang	96018847	27/08/2008	D01	23.93	96	96	31867	LCH	
151	Lê Thanh Nhơn	91001563	25/05/2008	C04	23.93	91	91	30595	LCH	
152	Nguyễn Văn Duẩn	68029359	17/04/2007	C03	23.93	68	68	23149	BPH	
153	Lương Chí Khang	82002441	14/01/2005	C03	23.75	82	82	29971	LCH	
154	Hồ Hải Dương	46012081	30/10/2008	QDA	23.75	46	46	20056	LCH	
155	Đinh A Chú	51014259	24/10/2008	C03	23.75	51	51	21325	LCH	
156	Đinh Trọng Bách	51013426	09/08/2008	C04	23.75	51	51	21361	LCH	
157	Cao Thương Phú	66031434	04/11/2008	QDA	23.72	66	66	22051	BPH	
158	Ngô Quốc Đạt	51017404	02/11/2008	C03	23.72	51	51	23284	LCH	
159	Nguyễn Trần Tâm	44002269	04/03/2008	C03	23.72	44	44	19009	LCH	
160	Nguyễn Đức Anh	66019363	24/11/2008	C03	23.72	66	66	24280	BPH	
161	Nguyễn Hoàng Anh	96016739	23/12/2008	QDA	23.70	96	96	31957	LCH	
162	Lê Quang Tuấn	44011932	18/11/2007	C04	23.70	44	44	19288	LCH	
163	Lương Ngọc Dương	91019729	21/08/2008	C03	23.70	91	91	30817	BPH	
164	Lê Văn Tư	44013881	17/11/2007	C04	23.70	44	44	19405	LCH	
165	Âu Zi Đan	91010975	30/04/2007	C03	23.70	91	91	30856	LCH	
166	Nguyễn Hữu Thành	91038436	04/12/2008	C03	23.70	91	91	30673	LCH	
167	Lê Hùng Nam	52030243	09/07/2007	C03	23.70	52	52	23947	LCH	
168	Võ Trần Việt Dũng	51015651	29/10/2008	QDA	23.60	51	51	23293	BPH	
169	Thạch Ngọc Hữu	68017800	13/03/2008	C03	23.60	68	68	25180	LCH	
170	Nguyễn Quốc Khánh	79130808	29/10/2008	C03	23.48	79	79	26659	LCH	
171	Trần Quốc Toàn	82001295	29/12/2008	C03	23.48	80	80	27727	LCH	
172	Lê Nguyễn Hoài Ân	46009732	10/07/2007	C03	23.48	46	46	19975	LCH	
173	Nguyễn Minh Khôi	91007105	30/01/2008	C03	23.48	91	91	30742	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
174	Trần Hữu Dũng	44012592	26/03/2008	C04	23.47	44	44	19363	LCH	
175	Huỳnh Hiếu Nghĩa	92016330	13/05/2008	C03	23.47	92	92	31420	LCH	
176	Nguyễn Thành Huy	52013512	13/09/2008	C03	23.47	52	52	21751	LCH	
177	Lữ Thái Bình		28/08/2008	V-ACT	23.35	86	86	29512	LCH	
178	Nguyễn Đức Anh	46009187	09/04/2008	C03	23.33	46	46	19969	LCH	
179	Hồ Lý Hạo	96010825	12/05/2008	C03	23.25	96	96	32191	LCH	
180	A Văn Luật	51015813	15/01/2008	C03	23.25	51	51	23344	BPH	
181	Võ Lương Huy	44009011	09/05/2008	C03	23.23	44	44	18871	LCH	
182	Nguyễn Hồ Nhân Nghĩa	79078111	01/07/2008	C03	23.23	79	79	27664	LBH	
183	Lê Duy Tân	44021090	02/03/2008	C03	23.23	44	44	19702	LCH	
184	Nguyễn Gia Huy	75049387	25/08/2008	C03	23.23	75	75	25303	LBH	
185	Bùi Mạnh Quân	44014770	20/03/2008	C03	23.23	44	44	19537	LCH	
186	Nguyễn Trần Duy	44013083	17/07/2007	C03	23.23	44	44	19372	LCH	
187	Phạm Nguyễn Trường Phúc	44003639	10/02/2007	C03	23.23	44	44	19033	BPH	
188	Lê Hoàng Anh Tuấn	56013094	22/09/2008	C03	23.23	56	56	22453	LCH	
189	Nguyễn Hữu Nghị	91014706	02/09/2008	C03	23.23	91	91	30406	LCH	
190	Trần Lữ Hoàng Đan	96005191	17/12/2008	QDA	23.14	96	96	32071	LCH	
191	Lê Bảo Anh Khoa	46009906	08/09/2006	C03	23.00	46	46	19975	LCH	
192	Nguyễn Hoàng Nguyên Khang	79025348	17/11/2008	D01	23.00	79	79	27367	LCH	
193	Trần Thành Đạt	92016156	31/07/2008	C03	23.00	92	92	31420	LCH	
194	Bùi Duy Tân	80002166	25/08/2008	D01	23.00	80	80	27841	LCH	
195	Phan Văn Khải	48016742	09/03/2007	C03	23.00	48	48	20650	LCH	
196	Võ Đoàn Nguyên Hạo	82019117	10/10/2007	C03	23.00	82	82	28366	LCH	
197	Huỳnh Anh Tuấn	75045810	17/06/2008	C03	23.00	75	75	25252	LCH	
198	Lương Hoàng Long	68028182	03/06/2008	C03	23.00	68	68	23236	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
199	Bon Nieng Nguyễn Bảo	68001796	19/05/2008	C03	23.00	68	68	24853	LCH	
200	Nguyễn Thanh Toàn	68018767	26/11/2007	C03	23.00	68	68	22969	LCH	
201	Hà Xuân Mẫn	48033417	04/06/2008	C03	23.00	48	48	20900	LCH	
202	Huỳnh Gia Phú	86011786	01/07/2008	QDA	22.99	86	86	29182	LCH	
203	Lê Hải Đăng	44007643	24/06/2008	D01	22.99	44	44	18880	LCH	
204	Đoàn Minh Phúc	96013870	09/04/2008	C03	22.85	96	96	31906	LCH	
205	Nguyễn Trọng Nghĩa	96018536	15/11/2008	C03	22.85	96	96	31849	LCH	
206	Vũ Hiếu Thuận	68034680	11/01/2008	C03	22.85	68	68	24739	LCH	
207	Nay Y Xom	66027137	20/07/2008	C03	22.85	66	66	22207	LCH	
208	Trần Anh Đô	91018034	05/01/2008	C03	22.83	91	91	30928	LCH	
209	Huỳnh Phan Trung Hiếu		12/04/2008	V-ACT	22.77	86	86	29242	LCH	
210	Hồ Văn Khánh	46005775	31/12/2005	C03	22.75	46	46	19858	LCH	
211	Nguyễn Cử Phan Nguyễn	46010031	24/10/2008	C03	22.75	46	46	19960	LCH	
212	Trương Hữu Duy	46007715	28/09/2008	C04	22.75	46	46	19777	LCH	
213	Lâm Trần Trung Thắng	91027459	11/09/2008	C03	22.75	82	82	29971	LCH	
214	Lưu Khải Nam	96009990	16/03/2008	C03	22.75	96	96	32155	LCH	
215	Phạm Thái Đạt	44013086	25/08/2008	C03	22.75	44	44	19372	LCH	
216	Nguyễn Ngọc Bảo Hoàng	44013919	16/08/2008	C03	22.75	44	44	19366	LCH	
217	Đặng Tấn Tài	51002576	09/12/2008	C03	22.75	51	51	21220	LCH	
218	Kỳ Thanh Hiếu	44013709	28/10/2008	C04	22.75	44	44	19405	LCH	
219	Hà Chí Hải	92009079	29/08/2007	C04	22.75	96	96	31951	LCH	
220	Nguyễn Thanh Giàu	82003242	02/10/2008	C04	22.75	82	82	29983	LCH	
221	Nguyễn Xuân Sang	91011085	18/12/2008	C03	22.75	91	91	30838	LCH	
222	Nguyễn Hoàng Khang	52020433	24/10/2006	C03	22.75	M3	82	28501	LCH	
223	Chung Đường Bảo	68020404	04/02/2007	C03	22.75	68	68	23023	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
224	Phan Văn Triều	44004928	17/08/2005	C03	22.75	44	44	19126	LCH	
225	Phan Văn Hoàng Quân	66026993	02/10/2007	QDA	22.75	66	66	22207	LCH	
226	Điền Tấn Hùng	75044862	08/11/2007	C04	22.75	75	75	25405	LCH	
227	Nguyễn Ngọc Trâm	68018784	27/01/2008	C03	22.67	68	68	22969	LCH	
228	Nguyễn Hoàng Long	79110038	25/04/2008	QDA	22.64	66	79	25760	LCH	
229	Ngô Chí Thiện	79108470	16/01/2007	C03	22.60	79	79	25792	LCH	
230	Trần Hoàng Nghĩa	82032146	28/09/2008	C03	22.60	82	82	28627	LCH	
231	Trương Đắc Anh Quân	75050304	08/01/2007	C03	22.60	75	75	25357	LCH	
232	Lê Hoàng Minh Đăng	75029516	24/10/2008	C03	22.60	75	75	26389	LCH	
233	Nông Văn Vinh	66002821	28/06/2008	C03	22.60	66	66	24415	LCH	
234	Rơ Cẩm Hoàng Hưng	52032800	06/08/2007	C03	22.60	52	52	24076	LCH	
235	Đinh Văn Thân	51013560	08/05/2008	C03	22.60	51	51	21361	LCH	
236	Nguyễn Mạnh Phát	66030561	22/11/2006	C03	22.50	66	66	22240	LCH	
237	Nguyễn Đức Kiên	51017525	12/12/2008	C03	22.50	51	51	23293	LCH	
238	Lê Minh Công	52007405	17/01/2008	C03	22.50	52	52	21940	LCH	
239	Nguyễn Đình Minh Đan	44012603	16/06/2008	C04	22.50	44	44	19372	LCH	
240	Phạm Tấn Phát	51010142	28/09/2008	C03	22.50	51	51	21421	LCH	
241	Lê Quốc Vinh	68005517	14/02/2008	C03	22.50	68	68	24931	LCH	
242	Nguyễn Quang	51008031	23/05/2008	C03	22.50	51	51	21235	LCH	
243	Trần Hoàng Thái	96014469	16/05/2008	C03	22.50	96	96	31900	LCH	
244	Huỳnh Nguyễn Thái Bình	68018140	02/09/2008	C04	22.50	68	68	22969	LCH	
245	Nguyễn Hữu Tin	82006080	06/09/2008	C03	22.50	82	82	30244	BPH	
246	Trương Khánh Duy	96006749	05/06/2008	C03	22.50	96	96	32104	LCH	
247	Nguyễn Phương Nam	75050186	08/08/2008	C04	22.50	75	75	25349	LCH	
248	Hà Anh Tú	51014218	28/04/2008	C03	22.50	51	51	21289	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
249	Mai Hồng Văn	56013629	20/01/2006	C03	22.50	M6	68	23005	LCH	
250	Tô Hồng Phú	66026978	09/01/2007	C03	22.50	66	66	22222	LCH	
251	Quách Thanh Hoàng	48032187	08/06/2008	C03	22.50	48	48	20740	LCH	
252	Phạm Minh Phương	96002595	29/05/2007	QDA	22.37	96	96	32041	LCH	
253	Phan Sỹ Phương	79083131	14/02/2008	C04	22.35	79	79	26785	LCH	
254	Thạch Danh	86033528	03/08/2008	C03	22.35	86	86	29506	LCH	
255	Vũ Văn Nghiêm	52032475	17/03/2006	C04	22.25	52	52	24013	LCH	
256	Trương Lê Chí Hào	92001992	15/05/2008	C03	22.25	92	92	31213	LCH	
257	Nguyễn Ngọc Hậu	52002268	22/08/2008	C03	22.25	52	52	21589	LCH	
258	Lê Thành Chung	75011387	19/12/2008	C03	22.25	75	75	25993	LCH	
259	Ngô Xuân Minh Duy	48008638	02/10/2008	C03	22.25	48	48	20332	LCH	
260	Huỳnh Tấn Đạt	91024579	18/04/2008	C03	22.25	91	91	30307	LCH	
261	Huỳnh Văn Tùng	48027555	09/05/2008	QDA	22.25	48	48	20965	LCH	
262	Nguyễn Gia Vĩ	96019641	23/09/2008	C03	22.25	96	96	31864	LCH	
263	Dương Hoài An	96008154	20/11/2008	C03	22.25	96	96	32140	LCH	
264	Trần Văn Chiến	46005119	28/01/2008	C03	22.25	46	46	19858	LCH	
265	Phạm Khánh Hưng	68031988	28/04/2008	C03	22.25	68	68	23272	LCH	
266	Lê Văn Tâm	79125178	21/06/2008	C03	22.25	79	79	25777	LCH	
267	Huỳnh Văn Tý	91011986	02/12/2008	C03	22.25	91	91	30469	LCH	
268	Trần Cảnh Phúc	44013506	14/04/2008	C03	22.25	44	44	19501	LCH	
269	Nguyễn Văn Bảo Khánh	46011819	20/03/2008	C03	22.25	46	46	20044	LCH	
270	Huỳnh Phước Khánh	91007665	03/11/2007	C03	22.25	91	91	30985	LCH	
271	Úc Văn Hưng	68019874	24/08/2008	C03	22.25	68	68	23005	LCH	
272	Lý Công Lực	91024122	26/01/2004	C03	22.25	91	91	30367	LCH	
273	Hồ Hoàng Việt	48032450	22/04/2008	C03	22.25	48	48	20752	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
274	Dương Hoàng Khang	86029953	08/02/2008	C03	22.25	86	86	29374	LCH	
275	Mai Đức Duy	91005302	29/08/2008	C03	22.20	91	91	30886	LCH	
276	Nguyễn Vương Khiêm	96005281	01/09/2008	C03	22.10	96	96	32065	LCH	
277	Nguyễn Hoàng Khánh	96012206	18/09/2008	C03	22.10	96	96	31906	LCH	
278	Nguyễn Kim Thành An	48003626	20/01/2008	QDA	22.00	48	48	20275	LCH	
279	Nguyễn Thiện Bảo Nhân	48007165	11/08/2008	C03	22.00	44	44	19360	LCH	
280	Phạm Quốc Thái	79048041	15/09/2008	C04	22.00	79	79	26876	LCH	
281	Phạm Tấn Phú	79121536	03/04/2008	QDA	22.00	79	79	25813	LCH	
282	Nguyễn Văn Tuấn Anh	46011061	06/02/2008	C04	22.00	46	46	20017	LCH	
283	Vũ Nguyễn Khánh Phương	56006349	02/05/2008	C04	22.00	56	56	22420	LCH	
284	Phạm Phú Quang	56017774	19/02/2008	C03	22.00	56	56	22870	LCH	
285	Phạm Ngọc Minh	44012772	20/10/2008	C03	22.00	44	44	19372	LCH	
286	Nguyễn Huỳnh Nam	92028309	27/05/2008	C03	22.00	92	92	31567	LCH	
287	Ngô Đức Hậu	44011170	06/10/2008	C03	22.00	44	44	19249	LCH	
288	Ngô Công Thành	44010011	21/09/2008	C03	22.00	44	44	19207	LCH	
289	Lê Mai Doãn Phước	44013193	20/12/2007	C03	22.00	44	44	19363	LCH	
290	Đinh Nguyễn Khánh Duy	82009761	20/04/2008	C03	22.00	82	82	30061	LCH	
291	Đỗ Công Phương	44013828	08/02/2008	C04	22.00	44	44	19363	LCH	
292	Phan Phú Thịnh	91019548	28/08/2008	C03	22.00	91	91	30430	LCH	
293	Lê Gia Phúc	92005577	07/01/2008	C04	22.00	92	92	31157	LCH	
294	Bùi Kiến Quốc	91032847	08/04/2008	C03	22.00	91	91	30835	LCH	
295	Lê Thanh Mãi	91006211	30/04/2008	C04	22.00	91	91	31012	LCH	
296	Lê Bùi Thanh Tuấn	91010195	27/11/2008	C03	22.00	91	91	30526	LCH	
297	Lý Văn Sỹ	52030072	20/05/2008	QDA	22.00	52	52	23977	LCH	
298	Quách Hoàng Nguyên	51020010	23/04/2008	C03	22.00	51	51	23377	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
299	Nguyễn Hữu Nghĩa	68032042	04/08/2008	C03	21.85	68	68	23272	LCH	
300	Brao Thế Vinh	48025077	18/06/2007	C03	21.85	48	48	20704	LCH	
301	Nguyễn Đăng Huy		07/12/2008	V-ACT	21.80	52	52	23617	LCH	
302	Trần Công Minh	79088857	28/06/2007	C03	21.75	79	79	27028	LCH	
303	Phan Bá Đông Quân	66032466	06/02/2008	C03	21.75	66	66	22240	LCH	
304	Trương Duy Khoa	48025279	22/03/2008	C03	21.75	48	48	20401	LCH	
305	Ngô Nguyễn Kha	82007627	12/06/2008	C03	21.75	82	82	29869	LCH	
306	Nguyễn Hoàng Hải	66022578	27/04/2008	C03	21.75	48	48	20209	LCH	
307	Nguyễn Đức Thái Hòa	75048771	24/10/2008	QDA	21.75	75	75	25280	LCH	
308	Nguyễn Đức Anh	44003222	18/01/2008	C03	21.75	44	44	19021	LCH	
309	Phan Thanh Gia Nguyễn	82025560	14/06/2008	C03	21.75	82	82	28564	LCH	
310	Trần Triệu Quân	44013836	31/08/2008	C03	21.75	44	44	19363	LCH	
311	Lê Công Hiệu	48035544	09/03/2008	C03	21.75	48	48	20380	LCH	
312	Lê Thanh Khiết	52012319	07/02/2008	C03	21.75	52	52	21901	LCH	
313	Nguyễn Đức Mạnh	44013422	25/10/2008	C04	21.75	44	44	19414	LCH	
314	Nguyễn Thế Vinh	79120180	16/10/2008	C03	21.75	79	79	25909	LCH	
315	Lê Hùng Lâm	52005064	25/09/2008	C04	21.75	52	52	21952	LCH	
316	Trần Ngọc Anh	44000946	08/05/2008	C03	21.75	44	44	18985	LCH	
317	Lê Anh Khôi	51019316	20/10/2008	C03	21.75	51	51	23401	LCH	
318	Trần Quang Nhật	96002566	17/09/2007	C03	21.75	96	96	32065	LCH	
319	Phan Văn Duy	51019815	18/06/2008	C03	21.75	51	51	23392	BPH	
320	Dương Chí Quang	51018680	09/10/2008	C03	21.75	51	51	23512	LBH	
321	Hồ Tấn Đại	96006140	20/10/2008	C03	21.75	96	96	32047	LCH	
322	A Moong Trung Đức	46002669	01/07/2008	C03	21.75	46	46	20050	LCH	
323	Trần Thoại Anh Thư	92025503	05/05/2005	C04	21.75	92	92	31679	LCH	

TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh	Xã/ Phường	Trường sơ tuyển	Ghi chú
324	Nguyễn Kháng Dũng	86026755	30/01/2005	C03	21.75	86	86	29455	LCH	
325	Chau Tha Quil	91013205	09/07/2008	C03	21.75	91	91	30505	LCH	
326	Trương Thành Quân	68037437	16/12/2008	C03	21.75	68	68	24678	LCH	
327	Huỳnh Gia Phú	96016578	26/07/2008	C03	21.70	96	96	31942	LCH	
328	Triệu Đình Khánh	79029988	20/12/2008	C03	21.60	79	79	25942	LCH	
329	Huỳnh Hữu Thoại	96015673	17/06/2008	C03	21.60	96	96	31918	LCH	
330	Trần Anh Tài	66028547	06/05/2008	C03	21.60	66	66	22258	LBH	
331	Kpă Thắng	52032999	19/08/2007	C03	21.60	52	52	24076	LCH	
332	Phạm Hồng Phát	48010841	08/09/2008	D01	21.50	48	48	20242	LCH	
333	Châu Hoàng Nam	79093966	11/11/2008	C03	21.50	80	80	27721	LCH	
334	Nguyễn Anh Vũ	66021167	15/07/2008	C03	21.50	66	66	24133	LCH	
335	Huỳnh Hữu Hân	52034641	01/03/2008	C03	21.50	52	52	23614	BPH	
336	Lê Ngô Vạn Tường	91035778	18/08/2008	C03	21.50	91	91	30502	LCH	
337	Nguyễn Xuân Hiền	52008714	16/05/2008	C03	21.50	52	52	21910	LCH	
338	Nguyễn Hoàng Lâm	44016539	07/03/2008	C03	21.50	44	44	19351	LCH	
339	Võ Lê Quân	52007646	27/12/2007	C03	21.50	52	52	21940	LCH	
340	Trần Thành Quan	82011199	24/11/2008	QDA	21.50	82	82	30076	LCH	
341	Trần Đức Tân	68030121	12/12/2008	C03	21.50	68	68	23152	LCH	
342	Nguyễn Chí Thành	51012745	14/11/2008	C04	21.50	51	51	21472	LCH	
343	Đình Huỳnh Kha	82019717	11/09/2008	C03	21.50	82	82	28414	LCH	
344	Nguyễn Tuấn Kiệt	92028276	25/10/2008	C03	21.50	92	92	31591	LCH	
345	Trần Công Danh	91026000	17/12/2008	C03	21.50	91	91	30628	LCH	